TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **474/**2019/HS-ST
Ngày 14 - 10 -2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn.
Ông Trần Văn Chánh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hà Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 399/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 457/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Thị G** (tên gọi khác **B**), sinh năm 1960; tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: Khu Đ, ấp A, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1928 (đã chết) và bà Lý Thị T, sinh năm 1928 (đã chết); chồng: Lý Văn K, sinh năm 1959; 04 con, con thứ nhất sinh năm 1979, con thứ hai sinh năm 1981, con thứ ba sinh năm 1984, con thứ tư sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

2/ Họ và tên: **Lê Thị H**, sinh năm 1980, tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 22/12 đường 13, khu phố 4, phường L, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm 1943 (đã chết) và bà Diệp Thị H, sinh năm 1944; chồng: Trương Bảo S, sinh năm 1981; có 03 con, con thứ nhất sinh năm 2004, con thứ hai sinh năm 2006, con thứ ba sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

3/ Họ và tên: **Nguyễn Thị G** (tên gọi khác **T**), sinh năm 1977, tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 357, ấp A, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn

bán; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1952; bị cáo là con một, chồng: Lê Đức M, sinh năm 1973, có 02 con sinh năm 2001 và năm 2006; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

4/ Họ và tên: **Phùng Mộng T**, sinh năm 1982, tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 656, Khu 4, ấp 1, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn C (đã chết) và bà Lê Kim A, sinh năm 1956; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; chồng: Bùi Văn L, sinh năm 1980; có 02 con sinh năm 2004 và năm 2008, tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

5/ Họ và tên: **Trần Thị N**, sinh năm 1991 tại Bạc Liêu (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 23, xã P, huyện G, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm 1967 và bà Đoàn Thị L, sinh năm 1969; gia đình có 03 chị em; bị cáo là con thứ nhất, chồng: Lê Thanh T, sinh năm 1989; có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

6/ Họ và tên: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1992 tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: Khu Đ, ấp A, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sơn L, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba chồng: Lý Văn B, sinh năm 1990; có 02 con sinh năm 2010 và sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

7/ Họ và tên: **Nguyễn Lê Hồng K**, sinh năm 1976 tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lê Thị V, sinh năm 1949; chồng: Bùi Quang T, sinh năm 1977; có 02 con sinh năm 2001 và năm 2008; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

8/ Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1966 tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: Khu 13, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1942; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

9/ Họ và tên: **Đặng Kim L**, sinh năm 1964 tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: 318, khu Đ, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn S, sinh năm 1940 (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh

năm 1941(đã chết); chồng: Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; có 03 con sinh năm 1987, sinh năm 1990 và năm 1998; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

10/ Họ và tên: **Trần Bích T**, sinh năm 1978 tại Đồng Nai (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1943; đã ly hôn với ông Lê Tấn H, sinh năm 1973; có 02 con sinh năm 1998, và năm 2005; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/10/2018, Nguyễn Thị G (B) đồng ý cho Lê Thị H, Nguyễn Văn C, Đặng Kim L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Lê Hồng K, Trần Thị N, Nguyễn Thị G (Thanh), Trần Bích T, Phùng Mộng T và một số đối tượng (không rõ lai lịch) đến chòi chăn vịt là quán bán nước tại địa chỉ số 317 khu Đ, ấp A, xã L, thành phố B do G quản lý để tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi "bài cào" thắng thua bằng tiền. G chuẩn bị bộ bài tây (loại 52 lá) và quy định người tham gia làm cái cứ khoảng 04 ván thì nộp xâu cho G 50.000đồng (Năm mươi nghìn đồng).

Cách thức đánh bạc như sau: Mỗi ván người chơi đặt trước vào "tụ" của mình từ 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) đến 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).Sau đó người làm cái sử dụng 01 bộ bài tây có 52 lá và chia mỗi "tụ" 03 lá bài rồi tính điểm để xác định thắng, thua. Khi lật bài lên, người làm cái sẽ lấy bài của mình so sánh với từng "tụ", nếu bài của người làm cái lớn hơn bài của "tụ" nào thì người làm cái sẽ thằng và thu toàn bộ số tiền của "tụ" đó đã đặt và ngược lại. Nếu bài của người làm cái và bài của người chơi bằng điểm thì không thắng, không thua. Cách tính điểm: Lá bài Át (A) tính 01 điểm, lá bài hình Tây tính 10 điểm, số điểm 10, 20, 30 gọi là "bù" (không có điểm). Bài cao nhất là bài có 03 lá bài hình Tây (J, Q, K), sau đó là những bài có số điểm lần lượt là 9, 8, 7...

Quá trình đánh bạc:

- Lê Thị H đem theo 11.080.000 đồng (Mười một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng), sử dụng 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) dùng để làm cái đánh bạc và bị thua 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Khi bị bắt, Công an thu 2.080.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) trên người của H không dùng đánh bạc, còn 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) H đang dùng đánh bạc để trên chiếu bạc bị thu giữ.

- Nguyễn Thị G (T) đem theo 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), sử dụng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) dùng để đánh bạc, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) đến 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và thắng được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), khi G (T) đang đặt cược 100.000 đồng dưới chiếu bạc thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người 7.900.000 đồng (Bảy triệu chín trăm nghìn đồng), trong đó có 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng) là tiền dùng vào việc đánh bạc, còn 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) không dùng đánh bạc.

- Phùng Mộng T đem theo 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sử dụng vào việc đánh bạc, đặt cược mỗi ván từ 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) đến 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và thua hết 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). T đang đặt cược 100.000 đồng thì bị bắt, còn lại 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) ở dưới chiếu bạc bị Công an thu giữ.

- Trần Thị N đem theo 11.800.000 đồng (Mười một triệu tám trăm nghìn đồng), sử dụng 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) dùng để đánh bạc, đặt cược mỗi ván từ 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) đến 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và thua hết 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Khi N đang đặt cược 100.000 đồng và để dưới chiếu bạc 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thì bị bắt quả tang. Công an thu giữ trên người của N 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) không liên quan đến việc đánh bạc.

- Nguyễn Thị N đem theo 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) sử dụng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) dùng để đánh bạc. Nhung đặt cược số tiền từ 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) đến 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) và thua hết 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Khi N đang đặt cược 100.000 đồng dưới chiếu bạc thì bị bắt quả tang. Công an thu giữ trên người N 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng), trong đó 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) là tiền đang dùng để đánh bạc, 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) không dùng vào việc đánh bạc.

- Nguyễn Lê Hồng K đem theo 1.000.000 đồng **(**Một triệu đồng) sử dụng vào việc đánh bạc, đặt cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng và thua hết 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Khi K đang đặt cược 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) dưới chiếu bạc thì bị bắt quả tang, còn lại 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) để dưới chiếu bạc thì bị Công an thu giữ.

- Nguyễn Văn C đem theo 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), sử dụng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) dùng để đánh bạc. Nguyễn Văn C đặt cược mỗi ván 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) và thua hết 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khi Nguyễn Văn C đang đặt cược 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) dưới chiếu bạc thì bị bắt quả tang. Công an thu giữ trên người Nguyễn Văn C 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng), trong đó có 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền đang dùng vào việc đánh bạc, còn 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) không dùng đánh bạc.

- Đặng Kim L đem theo 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) sử dụng vào việc đánh bạc, mỗi ván đặt cược 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) và thua hết 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), L đang đặt cược 50.000 đồng dưới chiếu bạc thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người L 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) đang dùng vào việc đánh bạc.

- Trần Thị Bích T đem theo 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) sử dụng vào việc đánh bạc, đặt cược mỗi ván 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) và thua hết 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khi T đang đặt cược 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) dưới chiếu bạc thì bị bắt quả tang, còn lại 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) để dưới chiếu bạc thì bị Công an thu giữ.

Đến 16 giờ cùng ngày, khi Nguyễn Thị G (B) đã thu tiền xâu được 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) và Lê Thị H đang tiếp tục làm cái bài cào thắng thua

bằng tiền với: Nguyễn Văn C, Đặng Kim L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Lê Hồng K, Trần Thị N, Nguyễn Thị G (Thanh), Trần Bích T, Phùng Mộng T và một số đối tượng (không rõ lai lịch) thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa cùng Công an xã L bắt quả tang.

Vật chứng gồm: 01 bộ bài tây loại 52 lá.

Số tiền dùng vào việc đánh bạc: 33.100.000 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm nghìn đồng) gồm:

- Thu trên chiếu bạc: 27.100.000 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng) tiền dùng đánh bạc để trên chiếu bạc, trong đó có: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) của H; 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) của T; 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) của N; 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) của N; 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) của G (T); 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) của của K; 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) của T; 100.000đ đồng (Một trăm nghìn đồng) của C; 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) của L và 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) tiền thu xâu của Nguyễn Thị G (B), còn lại là tiền của những người (không rõ lai lịch) đang dùng vào việc đánh bạc.

- Thu trên người của những người đánh bạc: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) đang dùng đánh bạc gồm:

+ Nguyễn Thị N: 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

+ Nguyễn Thị G (T): 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng).

+ Nguyễn Văn C: 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

+ Đặng Kim L: 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

Tài sản thu trên người của những người đánh bạc không liên quan đến vụ đánh bạc, Cơ quan điều tra hiện đang tạm giữ:

- Lê Thị H: 2.080.000đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Cơ quan điều tra giao trả tài sản thu giữ không liên quan đến vụ đánh bạc gồm:

- Nguyễn Văn C: 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trần Thị N: 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen.

- Nguyễn Thị G (T): 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 67K1-640.98 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu hồng, số Imei 863886032552752 và 863886032552745.

- Nguyễn Thị N: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen, số thuê bao 0333073875, số Imei 865266035485318.

- Đặng Kim L: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105.

Bản cáo trạng số: 392/CT-VKSBH ngày 01/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Thị G (B) đã phạm tội "Gá bạc", theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Văn C, Đặng Kim L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Lê Hồng K, Trần Thị N, Nguyễn Thị G (T), Trần Bích T và Phùng Mộng T đã phạm tội "Đánh bạc", theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị G (B) từ 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Lê Thị H từ 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn C từ 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đặng Kim L từ 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị N từ 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Lê Hồng K từ 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Trần Thị N từ 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị G (T) từ 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Trần Bích T từ 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Phùng Mộng T từ 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 33.100.000đồng (Ba mươi ba triệu một trăm nghìn đồng) tiền dùng vào việc đánh bạc.
- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây loại 52 lá.
- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.080.000đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) của bị cáo Lê Thị H để đảm bảo thi hành án.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục

quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 21/10/2018, tại nhà số 317 khu Đ, ấp A, xã L, thành phố B do bị cáo Nguyễn Thị G (tên gọi khác B) quản lý. Bị cáo Nguyễn Thị G (tên gọc khác B) đã đồng ý cho các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Văn C, Đặng Kim L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Lê Hồng K, Trần Thị N, Nguyễn Thị G (tên gọi khác T), Trần Bích T, Phùng Mộng T và một số đối tượng (không rõ lai lịch) tham gia đánh bạc với hình thức bài cào thắng thua bằng tiền với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 33.100.000đồng (Ba mươi ba triệu một trăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Thị G (tên gọi khác B) thu xâu được 700.000đồng (Bảy trăm nghìn đồng) thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B cùng Công an xã L bắt quả tang.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Nên cần phải có một mức án nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Không.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Nguyễn Thị G (tên gọi khác B): Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Văn C, Đặng Kim L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Lê Hồng K, Nguyễn Thị G (tên gọi khác T), Trần Bích T, Trần Thị N, Phùng Mộng T: Thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lê Thị H khi phạm tội là phụ nữ có thai quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H có con nhỏ sinh năm 2004, năm 2006, năm 2019; Nhung có con nhỏ sinh năm 2010, năm 2015; K có con nhỏ sinh năm 2001, năm 2008; Nguyễn Thị G (tên gọi khác T) có con nhỏ sinh năm 2001, năm 2006; Trần Bích T có con nhỏ sinh năm 2005, N có con nhỏ sinh năm 2013, T có con nhỏ sinh năm 2004, năm 2008 quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nên áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.080.000đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) của bị cáo Lê Thị H để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bộ bài tây (loại 52 lá) là công cụ đánh bạc. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 33.100.000đồng (Ba mươi ba triệu một trăm nghìn đồng). (Theo biên lai thu tiền số 000239 ngày 16/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Thị G (B), Lê Thị H, Nguyễn Văn C, Đặng Kim L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Lê Hồng K, Nguyễn Thị G (tên gọi khác T), Trần Bích T,Trần Thị N, Phùng Mộng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị G (tên gọi khác B) khai trước ngày 21/10/2018 đã cho nhiều đối tượng đánh bạc chơi tại nhà G, tuy nhiên kết quả điều tra không xác định được số người và số tiền dùng đánh bạc nên không đủ căn cứ xử lý.

[8] Đối với những người (không rõ lai lịch) tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo H, C, L, N, K, G (tên gọi khác T), T, N và T vào ngày 21/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị G (tên gọi khác B), sinh năm 1960 phạm tội "Gá bạc".

Các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Văn C, Đặng Kim L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Lê Hồng K, Nguyễn Thị G (tên gọi khác T) sinh năm 1977, Trần Bích T, Trần Thị N, Phùng Mộng T phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 35; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị G (tên gọi khác B), sinh năm 1960 số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 35; điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Lê Thị H 35.000.000đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 35; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị G (tên gọi khác T) sinh năm 1977 số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Phùng Mộng T 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Trần Thị N 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị N 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn C 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đặng Kim L 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Lê Hồng K 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Trần Bích T 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bộ bài tây (loại 52 lá) là công cụ đánh bạc. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 33.100.000đồng (Ba mươi ba triệu một trăm năm nghìn nghìn đồng). (Theo biên lai thu tiền số 000239 ngày 16/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.080.000đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) của bị cáo Lê Thị H để đảm bảo thi hành án. (Theo biên lai thu tiền số 000239 ngày 16/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Thị G (B), Lê Thị H, Nguyễn Văn C, Đặng Kim L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Lê Hồng K, Nguyễn Thị G (tên gọi khác T), Trần Bích T,Trần Thị N, Phùng Mộng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thị G (B), Lê Thị H, Nguyễn Văn C, Đặng Kim L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Lê Hồng K, Nguyễn Thị G (tên gọi khác T), Trần Bích T, Trần Thị N, Phùng Mộng T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Biên Hòa (2);
- CA TP. Biên Hòa (2);
- THA HS (10);
- Bị cáo (10);
- Lưu hồ sơ, VP (5);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Dung